

KINH NGHIỆM GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ CẢI CÁCH KINH TẾ - CẢI CÁCH CHÍNH TRỊ Ở CÁC NƯỚC CHUYỂN ĐỔI VÀ Ý NGHĨA VỚI VIỆT NAM

LÊ MINH QUÂN^(*),
VŨ THANH SƠN^(**)

Từ những thất bại trong việc giải quyết mối quan hệ giữa cải cách kinh tế với cải cách chính trị ở Liên Xô và các nước Đông Âu trước đây, các nước chuyển đổi như Nga, các nước thuộc không gian hậu Xô viết, Trung và Đông Âu cho đến nay đã tích lũy được những kinh nghiệm thành công trong việc giải quyết mối quan hệ trên thông qua việc lựa chọn các phương án, xuất phát điểm và lợi ích cần ưu tiên trong cải cách; các cách thức (liệu pháp) cải cách; tương quan giữa cải cách kinh tế và cải cách chính trị, gắn cải cách kinh tế với dân chủ hóa, cải cách thể chế với cải cách pháp luật, v.v... Những kinh nghiệm từ thực tiễn cải cách ở các nước chuyển đổi, trên thực tế, có ý nghĩa tham khảo đối với việc giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay.

1. Về những kinh nghiệm (kinh nghiệm thất bại) trong việc giải quyết mối quan hệ giữa cải cách kinh tế và cải cách chính trị ở Liên Xô và các nước Đông Âu trước đây với tính cách là những phản biện cho cải cách kinh tế và chính trị ở các nước chuyển đổi hiện nay

Trước khi cải tổ ở Liên Xô trước đây, về chính trị người ta đã nhận thức được những hạn chế căn bản của thể chế chính trị Xô viết với cấu trúc trung tâm là đảng cầm quyền có những đặc tính nổi trội đó là tính tập trung cao độ, nhà nước hóa đảng; nhất thể hóa cao độ trong không gian chính trị đa dạng về lãnh thổ, chủng tộc và lịch sử; thiết lập sự kiểm soát của đảng theo xu hướng tối đa hóa đối với toàn bộ hệ thống thể chế

và với xã hội; Những đặc tính trên được xây dựng, củng cố, cực đoan hóa trong suốt quá trình tồn tại của chính thể Xô viết và làm suy yếu nền chính trị, suy thoái quyền lực của nhân dân.

Diễn biến của cải tổ trước hết nhằm hóa giải vai trò trung tâm lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong thể chế chính trị Xô viết, thông qua các bước đi như: mở rộng dân chủ hóa với các đột phá là tăng cường tính công khai và đa nguyên hóa dư luận; chuyển trung tâm quyền lực nhà nước từ Đảng Cộng sản sang Nhà nước (Xô viết). Giải pháp nguyên tắc

^(*) PGS.TS., Phó Vụ trưởng Vụ Các trường chính trị - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

^(**) PGS.TS., Phó Vụ trưởng Vụ Đào tạo - Ban Tổ chức Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

lãnh đạo tập trung (quá tập trung, thậm chí tập trung vào cá nhân lãnh đạo cao nhất) với việc Đảng Cộng sản Liên Xô chấp nhận các điều kiện: áp dụng thể chế đa đảng và dân chủ nghị viện; đa nguyên ý thức hệ; bãi bỏ Điều 6 của Hiến pháp Liên Xô (quy định vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Liên Xô); phi chính trị hóa lực lượng vũ trang. Những sai lầm trong cải tổ chính trị đã tạo cơ hội cho chủ nghĩa ly khai, ly tâm, xung đột dân tộc, sắc tộc, phá vỡ cấu trúc Liên bang Xô viết theo hướng: Làm suy yếu trung tâm quyền lực đang thực hiện sự kiểm soát, điều khiển đảm bảo tính thống nhất của hệ thống và hình thành các trung tâm mới có khả năng cạnh tranh và vô hiệu hóa trung tâm cũ; Hình thành các trung tâm mới với vai trò kích thích những khuynh hướng ly khai; Làm xuất hiện khuynh hướng tan rã, xáo trộn, chia rẽ, đòi độc lập của các nước cộng hòa và tự trị thuộc Liên Xô.

Hậu quả của cải tổ chính trị sai lầm là sự tự tan rã của Đảng Cộng sản Liên Xô - điểm khởi đầu và quyết định sự sụp đổ của Liên bang Xô viết có nguyên nhân trực tiếp là ở những sai lầm của giai đoạn cải tổ dưới thời của Tổng thống Mikhail Sergeyevich Gorbachyov và sự chống phá từ bên ngoài, nhưng nguyên nhân sâu xa là ở quá trình chuyển hóa các mâu thuẫn được tích tụ trong lịch sử xã hội Xô viết do Đảng Cộng sản Liên Xô cầm quyền. Với tư cách là trung tâm điều khiển, dẫn dắt xu hướng, duy trì động lực của toàn bộ hệ thống Xô viết, sự yếu kém và sai lầm của Đảng bắt nguồn từ sự yếu kém và sai lầm của: Công tác lý luận, tư tưởng (năng lực trí tuệ); Công tác xây dựng đảng (tổ chức, nguyên tắc vận hành, tính chính đáng, kiểm soát quyền lực); Công tác xây dựng

chính quyền; Công tác cán bộ; Công tác đảng lãnh đạo kinh tế, v.v...

Về cải tổ kinh tế và sự thất bại của cải tổ kinh tế ở Liên Xô, trước cải tổ người ta đã nhận thức được những hạn chế cố hữu của nền kinh tế, sự triệt tiêu của động lực phát triển kinh tế. Đến những năm 1970, 1980 ngày càng gia tăng các yếu tố trì trệ của nền kinh tế, chỉ số phát triển kinh tế giảm dần sau mỗi kế hoạch năm năm, tụt hậu về khoa học - công nghệ so với các nước phương Tây. Sự sụp đổ của nền kinh tế Liên Xô đầu những năm 1990 là hệ quả tất yếu của sự suy thoái kéo dài trong những năm 1970, 1980.

Cải tổ chính trị thất bại, xã hội mất ổn định, đời sống nhân dân ngày càng sa sút, kinh tế ngày càng tồi tệ, sản xuất ngày càng đình đốn. Cải tổ kinh tế bắt đầu nhưng chưa kịp có những định hướng chính trị (chính sách) nên diễn ra tự phát, nền kinh tế ngày càng trở nên hỗn loạn. Trong lúc đó, sự chuyển biến từ nền kinh tế chủ yếu dựa trên khai thác tài nguyên thiên nhiên sang nền kinh tế dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ cao, khai thác và sử dụng tài nguyên con người hết sức khó khăn và thất bại, thì cải tổ kinh tế hướng mạnh sang mô hình kinh tế thị trường tự do tư bản, trông chờ (kỳ vọng vào những lời hứa hẹn) vào các nguồn viện trợ tài chính từ bên ngoài (phương Tây).

Những sai lầm trong xử lý mối quan hệ giữa cải tổ chính trị và cải tổ kinh tế ở Liên Xô (trước đây) là xác định cải tổ bắt đầu từ chính trị, tiến hành những thay đổi căn bản và quy mô lớn (toàn xã hội) những vấn đề có tính nguyên tắc và nền tảng của chính trị (hệ tư tưởng chính trị, chế độ chính trị, hệ thống chính trị, đảng chính trị, nhà

nước), v.v... trong bối cảnh khó khăn, khủng hoảng về kinh tế, sản xuất đình đốn, đời sống nhân dân hết sức khó khăn. Ngược lại, cải cách kinh tế diễn ra một cách bị động, tự phát, mất định hướng và không hiệu quả. Cả cải cách kinh tế và cải cách chính trị đều lúng túng, bị động, chủ quan duy ý chí, thiếu kinh nghiệm, bản lĩnh. Mất phương hướng và mục tiêu trong xử lý mối quan hệ giữa cải tổ kinh tế và cải tổ chính trị.

Ở các nước Đông Âu, quá trình cải cách nói chung, cải cách kinh tế và cải cách chính trị nói riêng diễn ra trong sự tác động có tính chi phối bởi diễn biến của công cuộc cải tổ ở Liên Xô. Hơn nữa, diễn biến của cải cách ở các nước này còn thể hiện tính bị động và lúng túng hơn so với Liên Xô, trong lúc sự tác động của các thế lực từ bên ngoài lại diễn ra bài bản hơn, như là những thử nghiệm cho sự chống phá Liên Xô. Mặt khác, những sai lầm và lúng túng trong cải cách, chủ yếu là cải cách kinh tế và chính trị ở Liên Xô làm cho các nước Đông Âu mất đi không chỉ chỗ dựa, mà còn mất đi định hướng mục tiêu và động lực của cải cách. Hệ quả là chế độ XHCN lúc đó ở các nước Đông Âu lần lượt sụp đổ cho đến cuối những năm 1990. Từ đầu những năm 1990, cải cách nói chung và cải cách kinh tế, chính trị nói riêng ở các nước Đông Âu chuyển theo những hướng mới (những kinh nghiệm của cải cách ở các nước Đông Âu dưới đây là theo hướng mới này).

Những kinh nghiệm (kinh nghiệm thất bại) trong việc giải quyết mối quan hệ giữa cải cách kinh tế và cải cách chính trị ở Liên Xô và các nước Đông Âu trước đây có giá trị phản biện cho cải cách kinh tế và chính trị ở các nước chuyển đổi hiện nay.

2. Kinh nghiệm giải quyết mối quan hệ giữa cải cách kinh tế và cải cách chính trị ở các nước chuyển đổi - Nga, các nước thuộc không gian hậu Xô viết, các nước Trung Âu và Đông Âu hiện nay, v.v...

Về lựa chọn phương án, xuất phát điểm và lợi ích cần ưu tiên giải quyết trong cải cách: Từ đầu những năm 1990, chuyển đổi kinh tế và chính trị ở các nước Đông và Trung Âu là một quá trình lịch sử năng động, làm biến đổi các mặt của xã hội. Theo nghĩa rộng, chuyển đổi với ý nghĩa: Tự do hóa hoạt động kinh tế, giá cả, vận hành thị trường cùng với việc tái phân bổ các nguồn lực cho việc sử dụng hiệu quả nhất; Phát triển các công cụ gián tiếp, định hướng thị trường để ổn định kinh tế vĩ mô; Nâng cao hiệu lực quản lý doanh nghiệp và hiệu quả kinh tế thông qua tư nhân hóa; Kiểm soát nghiêm giới hạn ngân sách nhà nước bảo đảm động lực hoàn thiện hiệu quả; Thiết lập khuôn khổ thể chế và pháp lý nhằm bảo đảm quyền sở hữu tài sản, quy tắc luật pháp, quy định gia nhập thị trường minh bạch. Chuyển đổi ở đây là quá trình mang tính cách mạng làm thay đổi nền tảng kinh tế - chính trị - xã hội, từ kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường, đụng chạm tới quyền lực, các hệ thống lợi ích căn bản của các tầng lớp xã hội, làm thay đổi cách thức quản trị xã hội và hệ thống giá trị mới được thiết lập.

Quá trình chuyển đổi được nghiên cứu từ góc độ nhằm nhận thức cải cách một cách thực chứng và chuẩn tắc. Dưới góc độ chuẩn tắc, cải cách tập trung vào các vấn đề hoạch định chính sách liên quan tới sức ép chính trị. Các nhà cải cách phải đối mặt với hai loại áp lực chính trị - sức ép trước và sau cải cách. Áp lực trước cải cách nhằm cản trở thông qua các chương trình cải cách.

Việc tìm kiếm sự đồng thuận xã hội cho cải cách khi xã hội đang khủng hoảng rất khó khăn. Khi cải cách đã được chấp thuận thì sức ép chính trị mới lại nảy sinh. Những thế lực bị mất lợi ích do cải cách, những hạn chế về nguồn lực kinh tế, yếu kém về đội ngũ nhân lực, v.v... tạo ra rào cản cho cải cách. Lựa chọn phương án, tìm xuất phát điểm, khẳng định những lợi ích cần ưu tiên giải quyết, v.v... là những vấn đề quan trọng hàng đầu của cải cách.

Nghiên cứu lý thuyết và thực chứng ở các nước chuyển đổi có thể khái quát những cách làm giảm áp lực chính trị để thúc đẩy cải cách. Đó là thiết lập gói cải cách để đền bù cho những người thiệt thòi do tác động của cải cách; Tiến hành cải cách từng phần để giảm sự xung đột, đối kháng; Thiết lập các thể chế phù hợp để duy trì cam kết cho việc dung hòa lợi ích, đẩy cải cách đi lên; Chờ cho hiện trạng trở nên tồi tệ hơn để tạo tình thế đường cùng buộc phải tiến hành cải cách mạnh mẽ (cùng tắc biển). Tuy nhiên, các cách nêu trên đều có những khó khăn nhất định khi tiến hành trong thực tiễn, do vậy cần có những giải pháp, kể cả giải pháp tình thế để khắc phục.

Sự thành công hay thất bại của quá trình chuyển đổi phụ thuộc nhiều vào việc kết hợp các yếu tố thể chế, nguồn lực cải cách. Những bước ban đầu hướng tới cải cách thị trường tạo ra cơ hội cho trực lợi và tham nhũng. Lợi ích cố hữu sinh ra từ các cơ hội đó được khẳng định và phản kháng những bước cải cách tiếp theo như mở cửa thị trường, cho phép cạnh tranh, tự do hóa toàn phần, thắt chặt quy tắc luật pháp. Hạn chế cạnh tranh, tự do hóa nửa mùa, quy tắc luật pháp yếu kém có thể đóng băng các cuộc cải cách. Hậu quả, tiến bộ kinh tế chậm chạp, suy thoái tăng trưởng, bất ổn tài

chính dễ gây ra hậu quả khó lường. Đó là vòng luẩn quẩn cho thấy những vấn đề nảy sinh trong quá trình chuyển đổi.

Ngược lại, các nước có kết cục tốt đẹp hơn nếu họ biết tạo ra vòng hồi sinh cho phép các nước cải cách hướng tới thị trường mở, tự do. Dù phải trả giá ban đầu, phản kháng chính trị nhưng cơ hội kinh tế mới và hồi sinh sẽ mãnh liệt hơn nhiều. Những cơ hội này khuyến khích mở rộng đầu ra, nhiều công ty mới, việc làm mới được tạo ra. Đó là lợi ích cải cách bắt đầu lan tỏa trong xã hội. Cùng cố các thể chế tài chính, xây dựng nhà nước đủ tiềm lực tài chính và đủ năng lực thiết lập trật tự luật pháp, bảo đảm quyền sở hữu tài sản và mạng lưới an sinh xã hội. Môi trường thân thiện thị trường tạo thuận lợi cho tiết kiệm, đầu tư mới, kích thích tăng trưởng cao hơn.

Về lựa chọn các cách thức (liệu pháp) cải cách: ở các nước chuyển đổi, có thể tổng kết thành hai nhóm liệu pháp cải cách - nhóm liệu pháp sốc và nhóm liệu pháp dần dần. Những người ủng hộ liệu pháp sốc cho rằng, các nước chuyển đổi cần thực hiện nhanh và toàn diện các cuộc cải cách lớn. Khi đó, tốc độ cải cách là căn bản nhất như chớp cơ hội vàng để thiết lập nền dân chủ trong xã hội. Trong giai đoạn này, các chính phủ tiến hành cải cách nhanh nhất ở mức có thể, tạo ra những tiền đề căn bản nhất cho các cuộc cải cách. Ngược lại, những người ủng hộ liệu pháp dần dần cho rằng, các cuộc cải cách cần diễn ra từ từ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Thành công của cải cách đơn lẻ này tạo ra thuận lợi cho các cuộc cải cách tiếp theo. Việc lựa chọn các liệu pháp trên phụ thuộc vào yếu tố khách quan (hoàn cảnh thực tế, cụ thể) và yếu tố chủ quan (nhận thức và năng lực chủ quan của giới cầm quyền) ở mỗi nước.

Nước Nga những năm đầu 1990, với liệu pháp sốc, đã tiến hành tư nhân hóa ô tô, với quy mô thế kỷ nhằm xóa bỏ ngay tức khắc nền tảng sở hữu công đã cố hữu trong thời kỳ Xô viết để thiết lập nền tảng sở hữu tư nhân thích ứng với cơ chế thị trường. Trong thập kỷ đầu nước Nga chuyển đổi, tác động tư nhân hóa tương đối nhỏ trong nền kinh tế. Tới năm 2000, có dấu hiệu cải thiện năng suất sản xuất trong các công ty được tư nhân hóa so với các doanh nghiệp sở hữu nhà nước. Thay đổi nội bộ trong các công ty tư nhân hóa góp phần cải thiện hiệu quả hoạt động của công ty. Tuy nhiên, tư nhân hóa ở Nga gây ra hàng loạt tác động tiêu cực tới xã hội là: Phần lớn giá trị của các doanh nghiệp của Nga rơi vào tay của các thế lực đầu sỏ chính trị, các thế lực đầu cơ trở thành các chủ thể tham nhũng của nhà nước; Kết hợp sự tham nhũng và chương trình tư nhân hóa, sự chuyển giao tài sản quy mô lớn vào nhóm nhỏ người liên quan nội bộ, tỷ lệ thất nghiệp, giảm lương, nghèo đói tăng vọt, v.v... tạo ra những áp lực chính trị chống lại cải cách kinh tế; Thế lực đầu sỏ liên kết với các nhà quản lý doanh nghiệp tư nhân hóa, các quan chức chính phủ để chống đối nhiều cuộc cải cách thể chế, gây cản trở cho sự tăng trưởng kinh tế nhiều năm sau.

Tuy nhiên, theo lý luận kinh tế chính trị, tuân tự cải cách diễn ra theo đúng dự đoán logic rằng những cải cách phổ biến cần được tiến hành trước tiên. Các nước Trung và Đông Âu đã tiến hành cải cách dân chủ trước cải cách kinh tế. Cảm hứng dân chủ lan tỏa khắp khu vực, ủng hộ dân chủ mạnh mẽ hơn ủng hộ cải cách kinh tế. Ngoài cải cách chính trị, một số thay đổi thể chế cũng được quyết định ngay trong giai đoạn đầu của các cải cách. Chẳng hạn,

thành lập các thể chế cho chính sách cạnh tranh được lựa chọn trước tiên trong các nước chuyển đổi nhằm thay đổi cơ cấu độc quyền tồn tại trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung. Theo đó, luật cạnh tranh đã được thông qua ngay trong những giai đoạn đầu của quá trình chuyển đổi.

Việc xác định sai tuân tự cải cách, nhất là cải cách kinh tế, chính trị và mối quan hệ giữa chúng có thể gây ra nguy hại cực kỳ lớn cho xã hội. Chẳng hạn, tư nhân hóa không có chính sách cạnh tranh hiệu lực sẽ chuyển độc quyền vào tay tư nhân. Khi đủ quyền lực, các thế lực tư nhân có thể quay lại chi phối bộ máy nhà nước nhằm ngăn cản chính sách cạnh tranh để trục lợi cho nhóm lợi ích. Một trong các bước tiến trình cải cách là khuyến khích phát triển khu vực tư nhân quy mô nhỏ trước khi tiến hành cải cách tổng thể. Tiến hành tự do hóa khu vực tư nhân là giải pháp phổ biến trong nhiều nước chuyển đổi. Ví dụ, Hungary là nước thành công trong bước đi này khá sớm, năm 1990, khu vực tư nhân quy mô nhỏ ở Hungary tạo ra tới 10% tổng sản phẩm công nghiệp. Xác định tuân tự cho tư nhân hóa cũng là mối quan tâm của nhiều nước chuyển đổi. Các công ty tốt nhất có xu hướng tư nhân hóa trước ở Đức (phần Đông Đức cũ), Hungary, Séc. Thành công tư nhân hóa, công ty làm ăn hiệu quả tạo ra hậu thuẫn chính trị cho việc tiếp tục tư nhân hóa và tiến hành các cuộc cải cách khác.

Các nước chuyển đổi thành lập các thể chế cần thiết cho việc đẩy mạnh cải cách toàn diện trong xã hội như thể chế dân chủ, quản lý nhà nước gồm lập pháp, hành pháp và tư pháp; tự do báo chí; các chuẩn mực và giá trị xã hội mới;

mở cửa khu vực tư nhân; mạng lưới điều tiết; hệ thống quan hệ hợp đồng mới trong và ngoài nước, v.v... Chuyển đổi kinh tế gắn chặt với những cải cách thể chế. Các giải pháp tự do hóa sẽ thất bại nếu không tiến hành trước hay ít ra đồng hành với việc tạo dựng khuôn khổ điều tiết phù hợp. Tư nhân hóa hàng loạt tài sản mà không tạo ra sự cạnh tranh và quản lý nhà nước sẽ làm mất hiệu quả của các doanh nghiệp được tư nhân hóa, nguồn lực công bị thất thoát, rơi vào tay các nhóm lợi ích. Hoàn thiện thể chế, nhất là thiết lập và hoàn thiện hệ thống tư pháp, phải tiến hành trước hoặc song song với cải cách pháp luật - ví như thành lập luật công ty, luật bảo vệ quyền tài sản, luật bản quyền, luật cạnh tranh, v.v...

Về tương quan giữa cải cách kinh tế và cải cách chính trị, nghiên cứu lý luận và thực chứng trong tất cả các nước chuyển đổi ở Trung và Đông Âu thống nhất kết quả khẳng định rằng, cải cách chính trị và kinh tế có tương quan mật thiết lẫn nhau. Theo đó:

Cải cách kinh tế gắn với cải cách (tự do hóa) chính trị: Cải cách kinh tế gắn với cải cách chính trị - dân chủ bằng cách ủng hộ các cuộc bầu cử trung thực, tự do; xây dựng các thể chế chính trị như hiến pháp, lập pháp, tư pháp; khuyến khích hình thành các tổ chức dân sự, phi chính phủ; phi tập trung quyền lực chính trị từ trung ương tới địa phương; xây dựng và hoàn thiện thể chế. Việc xây dựng và chất lượng thể chế không chỉ phụ thuộc vào mức độ dân chủ của quốc gia mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như lịch sử, địa lý, mức độ phong phú của tài nguyên; tiềm năng hậu thuẫn cho hoàn thiện thể chế thể hiện thông qua hội nhập quốc

tế, cải cách chính trị và minh bạch hóa đặc biệt ở cấp địa phương. Thể chế kinh tế và chính trị đóng vai trò xác định tiềm năng tăng trưởng dài hạn của quốc gia. Những quốc gia thành công hơn cả khi có môi trường thể chế mạnh, như hiệu lực quy tắc luật pháp, môi trường kinh doanh thuận lợi, bảo đảm quyền sở hữu tài sản, chuẩn mực xã hội thân thiện thị trường, có uy tín thu hút đầu tư, tham gia thương mại và sử dụng hiệu quả các nguồn lực quốc gia.

Cải cách thể chế gắn với cải cách luật pháp: Kết quả nghiên cứu, tổng kết của nhiều học giả khẳng định rằng phần lớn các nước Trung và Đông Âu thành công chuyển đổi là do các yếu tố như: Nhanh chóng ổn định và duy trì sự ổn định kinh tế vĩ mô; Cam kết rộng rãi về cải cách theo định hướng thị trường, trong đó có cải cách thể chế. Hầu hết các nước chuyển đổi đã thiết lập nền tảng cho phát triển kinh tế như tiền đề vật chất, thể chế chính trị, pháp lý và kinh tế. Mỗi nước có mức độ hay khả năng xây dựng nền tảng hiệu quả khác nhau.

Theo nghiên cứu thực chứng của các nước chuyển đổi, cần có 5 tiền đề pháp lý quan trọng cho phát triển kinh tế là: Tạo dựng các quyền sở hữu tư nhân và xây dựng hệ thống xác định và chuyển giao các quyền này; Thiết lập các nguyên tắc hợp đồng và cơ chế thực thi tạo thuận lợi cho trao đổi; Tái cơ cấu doanh nghiệp kinh doanh dưới hình thức đối tác, công ty và quyền sở hữu, xác định các công cụ quản lý các tổ chức đó; Xúc tiến hình thành vốn thông qua bán chứng khoán, phát hành nợ, thế chấp tài sản; Tạo thuận lợi cho phân bổ lại tài sản thông qua quy trình phá sản.

Các nước chuyển đổi đã hình thành được cơ sở pháp lý quan trọng làm cơ sở

cho việc hình thành nên các quan hệ kinh tế, trao đổi hợp pháp. Cơ sở pháp lý thuận lợi tạo đà cho sự bứt phá kinh tế, tháo gỡ những rào cản kỹ thuật, khơi thông các tiềm lực trong xã hội thông qua huy động các loại nguồn lực có nguồn gốc sở hữu khác nhau vào dòng luân chuyển kinh tế quốc dân. Cải cách thể chế, như thực tế cho thấy, đóng vai trò quan trọng đối với sự thành công trong quá trình chuyển đổi. Liệu pháp từ từ trong cải cách ở các nước chuyển đổi có thể xem là quá trình cải cách thông qua việc xây dựng và hoàn thiện thể chế.

3. Ý nghĩa của những kinh nghiệm cải cách chính trị, cải cách kinh tế và mối quan hệ giữa chúng từ các nước chuyển đổi đối với Việt Nam

Thứ nhất, cải cách, đổi mới là một quá trình kinh tế chính trị hệ trọng, mà trước hết là chuyển từ chế độ kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường. Đây là quá trình cải cách, đổi mới đa phương diện, gồm kinh tế, chính trị, xã hội, v.v... Việc lựa phương thức cải cách, đổi mới phụ thuộc vào điều kiện lịch sử cụ thể và tiền đề chuẩn bị cải cách của mỗi nước. Lựa chọn cách thức và nội dung cải cách, đổi mới cần dựa trên những tất yếu của xã hội hiện tại để xác định mục tiêu tương lai phù hợp nhất.

Thứ hai, cải cách kinh tế và chính trị có quan hệ biện chứng trong sự vận động của xã hội, biến đổi về kinh tế và chính trị tất yếu có sự tương hỗ lẫn nhau. Xét trong tổng thể, cải cách, đổi mới kinh tế phải đồng hành (toàn phần, hay từng phần) với cải cách, đổi mới chính trị. Sự bảo thủ hay chậm chạp của cải cách thể chế, pháp luật, dân chủ có thể làm phá sản công cuộc cải cách

kinh tế, đưa xã hội vào xung đột. Nhưng khi cải cách đạt được thành công nhất định thì cần phải đẩy mạnh cải cách triệt để các mặt trong đời sống xã hội như chính trị, kinh tế và xã hội, v.v...

Thứ ba, cần vận dụng tiếp cận chuẩn tắc và thực chứng kinh tế chính trị để nhận diện và xử lý những vấn đề nảy sinh trong quá trình cải cách, đổi mới. Tệ nạn tham nhũng và lợi ích nhóm tiêu cực, chằng hạn, chỉ có thể bị kiểm soát khi có đủ hệ thống pháp chế hiệu lực, xây dựng xã hội dân chủ minh bạch trong đó nhân dân được quyền tham gia giám sát hoạt động của Nhà nước. Xây dựng các thể chế có thể tương hỗ nhằm đề cao chức năng phục vụ thúc đẩy cải cách, đổi mới, đồng thời xây dựng các thể chế có khả năng kiểm soát độc lập để giám sát tiến trình cải cách, đổi mới tiếp theo, hạn chế những khó khăn, tiêu cực có thể nảy sinh trong cải cách, đổi mới ấy.

Thứ tư, đối với đổi mới kinh tế cần ưu tiên và xác định đúng những yêu cầu của cải cách kinh tế, trong đó ưu tiên giải quyết những yêu cầu bức xúc nhất của cải cách kinh tế, kết hợp giải quyết ở mức có thể những vấn đề bức xúc, trước mắt với những vấn đề cơ bản, lâu dài trong cải cách kinh tế. Tập trung tháo gỡ những cản trở cho phát triển kinh tế, giải phóng mọi năng lực sản xuất của xã hội. Xác định rõ những bước đi vừa khẩn trương, vừa vững chắc trong thực hiện chuyển đổi cơ chế quản lý, cơ cấu kinh tế. Chủ động phát huy đến tối đa nội lực, hạn chế đến tối thiểu sự kỳ vọng vào các nguồn lực (nhất là những lời hứa và sự trợ giúp nửa vời) từ bên ngoài. Cải cách, đổi mới kinh tế phải trở thành nhiệm vụ quan trọng và cơ bản của toàn bộ quá trình cải cách,

đổi mới xã hội (với nghĩa rộng). Lấy yêu cầu của cải cách kinh tế làm nội dung chủ yếu của cải cách chính trị. Cải cách kinh tế, đến lượt mình, phải đáp ứng yêu cầu của định hướng chính trị, đáp ứng các yêu cầu của xã hội.

Thứ năm, cải cách, đổi mới chính trị phải dựa trên cơ sở của những nguyên tắc của định hướng chính trị (với Việt Nam là định hướng XHCN), của nền tảng tư tưởng chính trị (với Việt Nam là chủ nghĩa Marx-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh), của nguyên tắc đảng lãnh đạo (với Việt Nam là sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam), giữ vững ổn định chính trị - xã hội, v.v... Cải cách, đổi mới chính trị phải dựa trên cơ sở của đổi mới kinh tế, dựa trên thành quả của đổi mới kinh tế. Cải cách, đổi mới chính trị đòi hỏi sự thận trọng, phòng ngừa những sai lầm không thể cứu vãn, không chủ quan, không nóng vội. Cải cách, đổi mới những mắt khâu cần thiết và bức xúc nhất trong hệ thống chính trị trên nền tảng và tầm nhìn của những cải cách, đổi mới cơ bản và có hệ thống. Tập trung vào cải cách thể chế Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội đáp ứng các yêu cầu của phát triển kinh tế và xã hội □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Balcerowics (1995), *Socialism, capitalism, transformation*, Central Eu Uni Press, Budapest.
2. Daniel Gros, Alfred Steinherr (2004), *Economic Transition in Central and Eastern Europe: Planting the Seeds*, Publisher Cambridge University Press, 2nd, Updated Ed edition, Cambridge.
3. M. Dewatripont and G. Roland (1992), "Economic reform and dynamic political constraints", *Review of economic studies*, Vol.59, N°4, Oct.
4. D. Acemoglu và James A. Robinson (2013), *Nguồn gốc của quyền lực, thịnh vượng và nghèo đói, Tại sao các quốc gia thất bại*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. EBRD Transition report 2000, London.
6. K. Gatsios (1992), *Privatisation in Hungary: past, present and future*, Centre for Economic Policy Research, London.
7. J. Ham, N. Gupta and J. Svejnar (2008), "Priorities and sequencing in privatization: theory and evidence from Czech Republic", *European Economic Review*, Vol.52, N°2.
8. Havrylyshun O and Van Rooden (2000), *Institutions matter in transition, but so do policies*, IMF working paper (No. wp/00/70), Washington D.C.
9. Jeffrey Friedman (1996), *The Rational Choice Controversy: Economic Models of Politics Reconsidered*, Publisher Yale University Press, London.
10. John Baylis & Steve (2001), *The globalization of world politics - An introduction to international relations. Second edition*, Oxford University Press Inc., New York, First published 2001, Published in the United States.
11. Lipton and Sach (1990), *Creating a market economy in Eastern Europe: a case study of Poland*, <http://www.earthinstitute.columbia.edu/sitefiles/file/about/director/pubs/brookings0490.pdf>